



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04.01 -GDKQ/2020/BC-AIS

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 04/2020

Kính gửi: Sở GDCK Tp.Hà Nội

Công ty Cổ phần chứng khoán AIS xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong tháng 04/2020 như sau:

Stt	Mã Chứng khoán thực hiện Giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã Chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã Chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã Chứng khoán thực hiện Giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAV	CET		AAV
2	ACB	CJC		ACB
3	ADC	EBS		ADC
4	ALT	KVC		ALT
5	AME	NGC		AME
6	AMV	SD2		AMV
7	ARM	SDU		ARM
8	ART	SGH		ART
9	BAX	TBX		BAX
10	BBS	TTZ		BBS
11	BCC			BCC
12	BDB			BDB
13	BED			BED
14	BPC			BPC
15	BSC			BSC
16	BST			BST
17	BTS			BTS
18	BTW			BTW
19	BVS			BVS
20	BXH			BXH
21	C69			C69
22	CAG			CAG
23	CAN			CAN
24	CAP			CAP
25	CDN			CDN
26	CEO			CEO
27	CET			CIA
28	CIA			CLH
29	CJC			CLM
30	CLH			CMC
31	CLM			CPC
32	CMC			CSC
33	CPC			CTB
34	CSC			CTT
35	CTB			CTX
36	CTT			CVN
37	CTX			CX8
38	CVN			D11
39	CX8			DAD
40	D11			DAE
41	DAD			DBT
42	DAE			DC4
43	DBT			DDG

44	DC4			DGC
45	DDG			DHP
46	DGC			DHT
47	DHP			DID
48	DHT			DLI
49	DID			DNC
50	DLI			DNM
51	DNC			DNP
52	DNM			DP3
53	DNP			DPC
54	DP3			DS3
55	DPC			DTD
56	DS3			DXP
57	DTD			ECI
58	DXP			EID
59	EBS			EVS
60	ECI			GDW
61	EID			GKM
62	EVS			GLT
63	GDW			GMX
64	GKM			HAD
65	GLT			HAT
66	GMX			HBE
67	HAD			HBS
68	HAT			HCC
69	HBE			HCT
70	HBS			HDA
71	HCC			HEV
72	HCT			HHC
73	HDA			HHG
74	HEV			HHP
75	HHC			HJS
76	HHG			HLC
77	HHP			HLD
78	HJS			HMH
79	HLC			HOM
80	HLD			HST
81	HMH			HTC
82	HOM			HTP
83	HST			HVT
84	HTC			ICG
85	HTP			IDV
86	HVT			INC
87	ICG			INN
88	IDV			ITQ
89	INC			KDM
90	INN			KHS
91	ITQ			KLF
92	KDM			KMT
93	KHS			KST
94	KLF			KTS
95	KMT			L14
96	KST			L18
97	KTS			L35
98	KVC			L62
99	L14			LAS
100	L18			LBE
101	L35			LCD
102	L62			LDP
103	LAS			LHC
104	LBE			LIG
105	LCD			LUT

106	LDP			MAC
107	LHC			MAS
108	LIG			MBG
109	LUT			MBS
110	MAC			MCC
111	MAS			MCF
112	MBG			MCO
113	MBS			MDC
114	MCC			MEL
115	MCF			MHL
116	MCO			MKV
117	MDC			MPT
118	MEL			MST
119	MHL			NAG
120	MKV			NAP
121	MPT			NBC
122	MST			NBP
123	NAG			NBW
124	NAP			NDN
125	NBC			NDX
126	NBP			NET
127	NBW			NFC
128	NDN			NHA
129	NDX			NHC
130	NET			NRC
131	NFC			NSH
132	NGC			NST
133	NHA			NTH
134	NHC			NTP
135	NRC			NVB
136	NSH			ONE
137	NST			PBP
138	NTH			PCE
139	NTP			PCT
140	NVB			PDB
141	ONE			PEN
142	PBP			PGN
143	PCE			PGS
144	PCT			PHN
145	PDB			PIA
146	PEN			PIC
147	PGN			PJC
148	PGS			PLC
149	PHN			PMB
150	PIA			PMC
151	PIC			PMP
152	PJC			PMS
153	PLC			POT
154	PMB			PPP
155	PMC			PPS
156	PMP			PPY
157	PMS			PRC
158	POT			PSC
159	PPP			PSD
160	PPS			PSE
161	PPY			PSW
162	PRC			PTD
163	PSC			PTI
164	PSD			PTS
165	PSE			PVC
166	PSW			PVG
167	PTD			PVI

168	PTI			PVS
169	PTS			QHD
170	PVC			QST
171	PVG			QTC
172	PVI			RCL
173	PVS			S55
174	QHD			S99
175	QST			SAF
176	QTC			SCI
177	RCL			SD4
178	S55			SD5
179	S99			SD6
180	SAF			SD9
181	SCI			SDC
182	SD2			SDG
183	SD4			SDN
184	SD5			SDT
185	SD6			SED
186	SD9			SFN
187	SDC			SGC
188	SDG			SGD
189	SDN			SHB
190	SDT			SHE
191	SDU			SHN
192	SED			SHS
193	SFN			SIC
194	SGC			SJI
195	SGD			SJE
196	SGH			SLS
197	SHB			SMN
198	SHE			SRA
199	SHN			STC
200	SHS			TA9
201	SIC			TAR
202	SJI			TC6
203	SJE			TCS
204	SLS			TDN
205	SMN			TDT
206	SRA			TET
207	STC			THB
208	TA9			THS
209	TAR			THT
210	TBX			TIG
211	TC6			TKU
212	TCS			TMB
213	TDN			TMC
214	TDT			TMX
215	TET			TNG
216	THB			TPH
217	THS			TPP
218	THT			TSB
219	TIG			TTC
220	TKU			TTH
221	TMB			TTL
222	TMC			TTT
223	TMX			TV3
224	TNG			TV4
225	TPH			TVC
226	TPP			TVD
227	TSB			TXM
228	TTC			UNI
229	TTH			VBC

230	TTL			VC1
231	TTT			VC2
232	TTZ			VC3
233	TV3			VC6
234	TV4			VC7
235	TVC			VCC
236	TVD			VCG
237	TXM			VCM
238	UNI			VCS
239	VBC			VDL
240	VC1			VE2
241	VC2			VE3
242	VC3			VE4
243	VC6			VGS
244	VC7			VHE
245	VCC			VHL
246	VCG			VIT
247	VCM			VIX
248	VCS			VKC
249	VDL			VLA
250	VE2			VMC
251	VE3			VMS
252	VE4			VNC
253	VGS			VNF
254	VHE			VNR
255	VHL			VNT
256	VIT			VSA
257	VIX			VSM
258	VKC			VTJ
259	VLA			VTV
260	VMC			WCS
261	VMS			X20
262	VNC			
263	VNF			
264	VNR			
265	VNT			
266	VSA			
267	VSM			
268	VTJ			
269	VTV			
270	WCS			
271	X20			

<https://www.aisec.com.vn/blog/cong-bo-thong-tin/thong-bao-ais.html>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo này.

NGƯỜI LẬP

(ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thủy

Tổng Giám Đốc

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngô Thị Thu Phương

